

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo; 2. Bà Trần Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2023/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị H B Byă, sinh năm 1992 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Y H ÊÑuôl, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2023, quá trình tố tụng, nguyên đơn chị H B Byă trình bày:

Chị H B Byă và anh Y H ÊÑuôl kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/3/2015 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn thì chung sống tại buôn S, xã C, huyện C. Từ năm 2019 đến năm 2022 chị đi làm công nhân tại huyện C, thành phố H, năm 2023 thì buôn bán tự do tại thành phố B để có tiền nuôi con. Giữa chị và anh Y H phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh Y H không chịu đi làm để lo kinh tế gia đình, chỉ lo chơi game, nhiều lần

chị cố gắng khuyên giải nhưng không được. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Y C Byă, sinh ngày 16/9/2015, do chị đi làm xa nên từ lúc con được 04 tuổi cho đến nay con ở với anh Y H, do anh Y H chăm sóc. Do vậy, chị đồng ý giao con cho anh Y H nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con với mức là 2.000.000 đồng/tháng. Hiện tại chị làm nghề buôn bán quần áo, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn anh Y H ÊÑuôl trình bày:

Anh và chị H B Byă kết hôn ngày 24/3/2015 tại UBND xã C, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau do chị H B nói anh không chịu đi làm lo cho vợ con, tiền không đủ sống; từ năm 2019 đến năm 2022 chị H B đi làm tại huyện C, thành phố H; từ năm 2023 đến nay chị H B làm việc tại thành phố B nhưng không về nhà. Anh không đồng ý ly hôn với chị H B vì để con có đủ bố, đủ mẹ.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H B Byă thì anh có yêu cầu được nuôi con là cháu Y C Byă - sinh ngày 16/9/2015, chị H B phải cấp dưỡng để nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51; 53; 54; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H B Byă, chị H B Byă được ly hôn với anh Y H ÊÑuôl. Về con chung: Giao con chung là cháu Y C Byă - sinh ngày 16/9/2015 cho anh Y H ÊÑuôl trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H B Byă có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Y H ÊÑuôl số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại Buôn S, xã C, huyện C, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H B Byă và anh Y H ÊÑuôl kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, chị H B và anh Y H xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống về vấn đề kinh tế; từ năm 2019 đến nay anh chị không chung sống với nhau do chị H B đi làm xa nhà để có tiền nuôi con. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần hòa giải và cho 02 bên thời gian tự hòa giải nhưng chị H B và anh Y H không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, chị H B xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Y H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị H B Byă và anh Y H ÊÑuôl có 01 con chung là cháu Y C Byă - sinh ngày 16/9/2015, hiện do anh Y H chăm sóc. Chị H B đồng ý giao con cho anh Y H nuôi dưỡng, anh Y H cũng có nguyện vọng nuôi con nên cần giao con cho anh Y H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chị H B làm nghề buôn bán tự do, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng nên chị H B đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng là phù hợp, cần chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương xác định không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị H B Byă phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Anh Y H ÊÑuôl không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H B Byă.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H B Byă được ly hôn với anh Y H ÊÑuôl.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Y C Byă - sinh ngày 16/9/2015 cho anh Y H ÊÑuôl trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị H B Byă có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Y H ÊÑuôl hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Y H ÊÑuôl nếu chị H B Byă chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị H B Byă phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014608 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk. Chị H B Byă còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- UBND xã Cư Suê
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý